TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HT
TỈNH TN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 48/2023/HS-ST
Ngày 09-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HTTỈNH TN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Bùi Dân An**.

2. Ông **Tô Hiền Đức**.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Lưu Sử Ngọc Quân–** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa*: Ông **Đặng Quốc Sĩ –** Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 20/2023/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **HCB**, sinh ngày 12/7/1989; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: tỉnh TN; Nơi thường trú: Nhà số 405, đường Nguyễn Văn Linh, tổ 8, ấp Tr.L, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không có; Giới tính: Nam; Con ông HCK, sinh năm 1970 và bà TTTM, sinh năm 1970; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không có.

Tiền án: Có 02 tiền án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 146/2016/HSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN, áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo HCB09 (Chín) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", bị cáo B. chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 26/4/2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2021/HSST ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN, áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo HCB01 (Một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo B. chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 12/4/2022.

Nhân thân:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2012/HSST ngày 03/4/2012 của Tòa án nhân dân H.DMC, tỉnh TN, áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo HCB02 (Hai) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo B. chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 18/8/2013, đã đóng án phí và hình phạt bổ sung ngày 28/5/2012 (đã được xóa án tích).

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPHC ngày 03/12/2022 của C. an phường LTTr, thị xã HT, tỉnh TN xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo HCBnộp xong ngày 09/12/2022 (xử phạt sau ngày bị cáo B. thực hiện hành vi phạm tội).

Bị cáo bị tạm giữ ngày 02/12/2022, tạm giam ngày 08/12/2022 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Hồng TH.**, sinh ngày 01/01/1987; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: tỉnh TN; Nơi thường trú: tổ 14, ấp NP, xã BN, H.DMC, tỉnh TN; Nghề nghiệp: C. nhân; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Giới tính: Nam; Con ông LHH, sinh năm 1954 (đã chết) và bà CTH, sinh năm 1957; Vợ tên Nguyễn Thị Trúc Phương, sinh năm 1985; Bị cáo chưa có con; Tiền sự: Không có.

Tiền án: Có 02 tiền án.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 49/2011/HSPT ngày 18/3/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh TN, áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 194; điểm o, p, s khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo LHT08 (Tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo LHT03 (Ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng Điều 50 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội, bị cáo LHTchịu hình phạt chung là 11 (Mười một) năm tù.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 70/2011/HSPT ngày 27/4/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh TN, áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm

g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo LHT03 (Ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Quyết định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án số 07/2011/QĐ-TA ngày 04/7/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh TN, áp dụng khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 11 (Mười một) năm tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 49/2011/HSPT ngày 18/3/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh TN với hình phạt 03 (Ba) năm tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 70/2011/HSPT ngày 27/4/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh TN, buộc bị cáo LHTchấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 14 (Mười bốn) năm tù. Bị cáo LHTchấp hành xong hình phạt tù ngày 11/6/2021.

Nhân thân:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 233/STHS ngày 17/11/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh TN, áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 136; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo LHT02 (Hai) năm tù về tội "Cướp giật tài sản", bị cáo LHTđã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 22/6/2005 (đã được xóa án tích).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2006/HSST ngày 02/11/2006 của Tòa án nhân dân H.DMC, tỉnh TN, áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo LHT06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo LHTđã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 26/01/2007 (đã được xóa án tích).

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 168/2007/HSPT ngày 31/8/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh TN, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo LHT02 (Hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo LHTđã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 13/3/2009 (đã được xóa án tích).

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 114/QĐ-XPHC ngày 03/12/2022 của C. an phường LTTr, thị xã HT, tỉnh TN xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo LHTnộp xong ngày 09/12/2022 (xử phạt sau ngày bị cáo TH. thực hiện hành vi phạm tội).

Bị cáo bị tạm giữ ngày 02/12/2022, tạm giam ngày 08/12/2022 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **NHĐ,** sinh ngày 10/01/1986; Tên gọi khác: Không có; Nơi sinh: tỉnh TN; Nơi thường trú: Nhà số 09, đường số 20, đường Thượng Thâu TH., tổ 17,

khu phố LTr., phường LTTr, thị xã HT, tỉnh TN; Nơi ở hiện tại: tổ 18, đường Thượng Thâu TH., khu phố LTr., phường LTTr, thị xã HT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không có; Giới tính: Nam; Con ông NHL, sinh năm 1960 (đã chết) và bà HKD, sinh năm 1960; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không có.

Tiền án: Có 01 tiền án. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2021/HSST ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN, áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NHĐ 09 (Chín) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Nhân thân:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2011/HSST ngày 31/10/2011 của Tòa án nhân dân huyện HT(nay là Tòa án nhân dân thị xã HT), tỉnh TN, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo NHĐ 08 (Tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo NHĐ đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 17/4/2017, đã nộp án phí và hình phạt bổ sung ngày 01/3/2012 (đã được xóa án tích).

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 115/QĐ-XPHC ngày 03/12/2022 của C. an phường LTTr, thị xã HT, tỉnh TN xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo NHĐ nộp xong ngày 09/12/2022 (xử phạt sau ngày bị cáo Đ. thực hiện hành vi phạm tội).

Bị cáo bị tạm giữ ngày 02/12/2022, tạm giam ngày 08/12/2022 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*:

1. Chị **PTKH**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Nhà số 20A, hẻm 23, đường Ngô Quyền, ấp Long Hải, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN (Có mặt);

2. Bà **ĐTD**, sinh năm 1957; Địa chỉ: ấp Trường An, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: **C. ty trách nhiệm hữu hạn Ai (sau đây gọi tắt là C. ty M.)**; Địa chỉ trụ sở: Tầng 9, 10, 11, 12 Tòa nhà MB Bank, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Quận ĐĐ, Thành phố HN; Người đại diện theo pháp luật: Ông **LQN**; Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà **NTL**; Chức vụ: Phó Tổng giám đốc; Người được bà Liên ủy quyền lại: Anh **PCC**; Chức vụ: Giám sát thu hồi nợ địa bàn (Theo Giấy ủy quyền ngày 18/7/2023) (anh C. có mặt).

NỘI D. VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D. vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo HCB, Lê Hồng TH., NHĐ không có nghề nghiệp ổn định, thường tụ tập sử dụng trái phép chất ma túy. Khi không có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, bị cáo B., bị cáo TH. và bị cáo Đ. rủ nhau đi trộm cắp và cướp giật tài sản, cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:* Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 30/7/2022, bị cáo B. rủ bị cáo Đ. đi tìm nhà người dân khóa cửa, không ai trông coi để trộm tài sản về bán, lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng thì bị cáo Đ. đồng ý. Bị cáo B. điều khiển xe môtô biển số 70K1- 315.59 chở bị cáo Đ. đến khu vực ấp Long Hải, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN thì nhìn thấy nhà của chị PTKH, sinh năm 1983, tại địa chỉ nhà số 20A, hẻm 23, đường Ngô Quyền, ấp Long Hải, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN khóa cổng rào bên ngoài, không có người trông coi nên bị cáo Đ. và bị cáo B. trèo qua tường rào cặp hông nhà để vào bên trong. Bị cáo B. dùng mỏ lếch chuẩn bị sẵn, bẻ khoen cửa nhà, cả hai đột nhập vào bên trong lấy trộm của bị hại H.: 01 laptop nhãn hiệu Dell, 01 đôi bông tai B. vàng loại 18K có đính kim cương và 01 con heo đất bên trong có số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng). Sau đó, cả hai đi ra phía sau nhà, phát hiện nhà có gắn camera, sợ bị phát hiện nên bị cáo B. dùng tay bẻ gãy, lấy trộm camera xong đi về nhà của bị cáo Đ.. Tại nhà bị cáo Đ., cả hai đốt camera nhằm tiêu hủy chứng cứ rồi chia nhau số tiền lấy được trong heo đất, mỗi người 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Đến ngày 31/7/2022, bị cáo B. và bị cáo Đ. đến tiệm cầm đồ Tân Dân, thuộc khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã HT, tỉnh TN để bán đôi bông tai nhưng chủ tiệm nói là bông tai giả nên cả hai vứt bỏ trên đường đi về; riêng laptop hiệu Dell, cả hai đến thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người lạ mặt được số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), chia mỗi người 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiêu xài cá nhân và mua ma túy để sử dụng.

Tại Kết luận định giá số 41/KLĐG-TTHS ngày 15/8/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã HT, kết luận: 01 (một) laptop nhãn hiệu Dell Vostro 14/300 core i5, D. lượng 256GB, màu đen, tình trạng đã qua sử dụng (bị hại khai do Việt Nam sản xuất), giá 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng); 01 (một) camera an ninh, màu trắng, nhãn hiệu Network Camera, model IPC-B120W 2,8mm, SN: G24081648, SV: V5.5.100 0 200312, tình trạng đã qua sử dụng, hoạt động bình thường (bị hại khai do Việt Nam sản xuất), giá 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng); 02 (Hai) vỏ bông xoàn loại 08 cánh vàng 18K, nhãn hiệu NPJ – 92 –

18K - 1800 – B0425 – 16T24, mã số BX03878, tình trạng đã qua sử dụng, giá 23.400.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng); 01 (một) hột xoàn, mã số HX04216, mã giám định 443K19-158, kích cỡ 3,65 3,69 – 2,26, màu E, độ tinh khiết VVS1, trọng lượng 0,021, tình trạng đã qua sử dụng, giá 5.900.000 đồng (Năm triệu chín trăm nghìn đồng); 01 (một) hột xoàn, mã số HX04256, mã số giám định 443K19-192, kích cỡ 3,65 3,69 – 2,26, màu E, độ tinh khiết VVS1, trọng lượng 0,197, tình trạng đã qua sử dụng, giá 5.900.000 đồng (Năm triệu chín trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 51.600.000 đồng (Năm mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng). Như vậy, tổng số tiền bị cáo B. và bị cáo Đ. chiếm đoạt của bị hại H. là 75.600.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

**Vụ thứ hai:* Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 23/11/2022, sau khi cùng nhau sử dụng ma túy thì bị cáo B. điều khiển xe môtô nhãn hiệu Vario biển số 70E1-628.67 của bị cáo LHTchở bị cáo TH. ngồi phía sau đến khu vực chợ Long Hải thuộc ấp Long Hải, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN để tìm tài sản chiếm đoạt. Khi đi trên đường Ngô Quyền đoạn gần Cổng chào thì cả hai nhìn thấy bà ĐTD, sinh năm 1957, ngụ tại ấp Trường An, xã Tr.T, thị xã HTđang điều khiển xe môtô chạy theo hướng ngược lại, trên cổ có đeo 01 dây chuyền vàng nên bị cáo B. điều khiển xe môtô quay đầu lại rồi bám theo sau bị hại D. để tìm cơ hội giật tài sản. Khi bị hại D. điều khiển xe môtô chạy vào hẻm số 38, đường Ngô Quyền, thuộc ấp Trường An, xã Tr.T, thị xã HT, tỉnh TN (đoạn đường vắng người), bị cáo B. điều khiển xe môtô tăng ga, áp sát bên trái xe của bị hại D., bị cáo TH. ngồi sau dùng tay phải giật lấy dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 07 chỉ trên cổ bị hại D. rồi nhanh chóng tẩu thoát. Cả hai mang đến tiệm vàng "Kim Thoa" do bà Nguyễn Thị Kim Thoa, sinh năm 1959 ngụ xã BN, H.DMC, tỉnh TN làm chủ, bán được số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng), chia mỗi người 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng.

Tại Kết luận định giá số 54/KLĐG-TTHS ngày 16/12/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã HT, kết luận: 01 (một) dây chuyền vàng loại 18K, trọng lượng 07 chỉ có mặt B. đá hình tượng màu xanh, kích thước (35 x 10 x 05)mm. Vàng nữ trang 78% (vàng 18K), giá 4.027.900 đồng x 07 chỉ = 28.195.300 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm đồng). Riêng mặt dây chuyền không xác định loại đá nên không có cơ sở định giá.

Đến ngày 01/12/2022, C. an phường LTTr nghi vấn bị cáo B., bị cáo TH. và bị cáo Đ. có dấu hiệu "Sử dụng trái phép chất ma túy" nên tiến hành mời về trụ sở để kiểm tra. Qua làm việc, bị cáo B., bị cáo TH. và bị cáo Đ. đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trên.

Tại Kết luận giám định số 1622/KL-KTHS, ngày 19/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự C. an tỉnh TN, kết luận: Số khung và số máy xe môtô biển số 70E1-628.67, không bị đục sửa.

Tại Kết luận giám định số 1623/KL-KTHS, ngày 19/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự C. an tỉnh TN, kết luận: Số khung và số máy xe môtô biển số 70K1-315.59, không bị đục sửa.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo B. đã tái phạm chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tội "Trộm cắp tài sản" và "Cướp giật tài sản" nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo TH. đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội "Cướp giật tài sản" (tội phạm rất nghiêm trọng) nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đ. đã bị kết án chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Qua xác minh, các bị cáo không có tài sản nên không kê biên.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) xe mô tô gắn biển số 70E1-628.67, nhãn hiệu Honda, loại xe Vario, màu đỏ-đen, số máy: JM41E1779243; số khung: MH1JM4116MK779898. Tình trạng: Đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu xanh-đen, số Imei 1: 350711263235978/01, số Imei2: 356613223235979/01. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) áo khoác vải màu xám có viền cổ tay và vạt áo màu đen, trên ngực áo bên trái có logo tròn bên trong có ký hiệu I, trên tay áo trái có in chữ SOCIAL. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng, lưỡi trai màu đen, phía sau có chữ TIỆM VÀNG PHƯƠNG THẢO 0276.3822698 KHÁCH HÀNG VÍP màu đỏ. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) áo sơ mi vải dài tay, màu xanh sọc trắng nhuyễn, trên ngực áo trái có thêu logo chữ MK màu trắng, phía trong cổ áo thêu logo chữ A/X; Tình trạng: Đã

qua sử dụng;

- Tiền Việt Nam (bị cáo HCB): 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu Bạc, số Imei1: 35312008321690/2; số Imei2: 35312108321690/0, gắn sim có số Seri: 8401200252874759. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể màn hình, không có nắp lưng. thời điểm giao nhận không mở được nguồn;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu Vàng đồng, số Imei: 865407010000009, bên trong gắn sim có số Seri: 8401191150287937 Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể màn hình, thời điểm giao nhận không mở được nguồn;

- 01 (một) áo khoác vải màu đen, loại có nón trùm đầu, không có nhãn hiệu. Tính trang. Đã qua sử dụng;

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu đỏ - đen, trên mũ có chữ Cà phê Phố. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) mỏ lếch B. kim loại, màu bạc dài 15cm, có chữ C- MART 160 mm F0001, loại 06 inch. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) dụng cụ mở Bugi xe mô tô B. kim loại, màu đen, dài 10 cm, có lỗ, một đầu có chữ P và một đầu có số 19. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động nhân hiệu Realme, màu xanh, số imei 1: 860343044117193, số imei 2: 860343044117185. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- Tiền Việt Nam (bị cáo NHĐ): 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng);

- 01 (một) mặt dây chuyền B. đá hình Phật màu xanh, qua kiểm tra không phải là đá quý, kích thước (35×10x05) mm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) xe mô tô biển số 70K1-315.59, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng số máy: 1FC4-036060, số khung: RLCS1FC40FY036054. Tình trạng: Đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu bên phải.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại H. yêu cầu bị cáo B. và bị cáo Đ. bồi thường số tiền 75.600.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng); Bị hại D. yêu cầu bị cáo B. và bị cáo TH. bồi thường số tiền 28.195.300 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm đồng). Hiện tại các bị cáo chưa bồi thường. Về trách nhiệm hình sự, bị hại D. và bị hại H. đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số: 24/CT-VKSHT ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN đã: Truy tố bị cáo B. về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự và tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo TH. về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Đ. về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo B., bị cáo TH. và bị cáo Đ. về tội danh, điều luật áp dụng như nội D. Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo HCBphạm tội "Cướp giật tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo B. từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" và từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt hai tội từ 07 (Bảy) năm tù đến 09 (Chín) năm tù.

- Tuyên bố bị cáo LHTphạm tội "Cướp giật tài sản". Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo TH. từ 03 (Ba) năm tù đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Tuyên bố bị cáo NHĐ phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 2 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đ. từ 03 (Ba) năm tù đến 04 (Ba) năm tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo do các bị cáo không có tài sản.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm bồi thường: Buộc bị cáo B. và bị cáo Đ. có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bị hại H. số tiền 75.600.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng). Buộc bị cáo B. và bị cáo TH. có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bị hại D. số tiền 28.195.300 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của gười có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là C. ty M., anh PCC trình bày: Bị cáo TH. có quan hệ tín dụng với C. ty M. theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay mua hàng trả góp điện tử số 1000321110405271 ký ngày 18/11/2021, số tiền vay là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng), hàng hóa mua trả góp là chiếc xe máy Honda Vario, số khung MK 779898, số máy E1779243, biển số kiểm soát 70E1-628.67, thời hạn vay 24 tháng. Bị

cáo TH. đã TH. toán cho C. ty M. 13 kỳ trả nợ với tổng số tiền 36.240.000 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Hiện nay, khoản vay đã bị quá hạn, tổng dư nợ tạm tính đến ngày 09/8/2023 là 34.000.000 đồng (dư nợ gốc là 27.007.133 đồng). Bị cáo TH. dùng xe mô tô nêu trên thực hiện hành vi phạm tội cướp giật tài sản, tuy nhiên, xe mô tô là tài sản hình thành từ vốn vay của C. ty Mcerdit. Do đó, C. ty M. yêu cầu cơ quan thi hành án bán xe mô tô nêu trên và hoàn trả lại số tiền từ việc bán xe cho C. ty M. để thu hồi nợ hoặc hoàn trả chiếc xe máy để C. ty M. xử lý hàng hóa, thu hồi nợ vay.

Đối với xe môtô biển số 70K1-315.59 của ông HCK (cha ruột của bị cáo B.) là chủ sở hữu, ông Khanh không biết việc bị cáo B. đã sử dụng xe môtô trên để thực hiện hành vi phạm tội. Xe môtô biển số 70E1-628.67 do bị cáo TH. đứng tên chủ sở hữu và sử dụng xe môtô trên để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ để xử lý là đúng quy định.

Đối với bà Nguyễn Thị Kim Thoa (chủ tiệm vàng "Kim Thoa") khi mua sợi dây chuyền vàng không biết tài sản do phạm tội mà nó nên không có nên không xem xét xử lý là có căn cứ.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: Cả 03 bị cáo đều nhận thức hành vi của mình là sai trái, cam đoan không tái phạm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D. vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra C. an thị xã HT, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại D. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại D..

[3] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, bị cáo B. và bị cáo Đ. khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo bị cáo B., bị cáo Đ. phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Bị cáo B. và bị cáo Đ. lợi dụng sự sơ hở trong việc quản

lý tài sản của chủ sở hữu nên ngày 30/7/2022 đã lén lút trộm cắp tài sản của bị hại H. là 01 (một) lap top nhãn hiệu Dell, 01 (một) đôi bông tai B. vàng loại 18K có đính kim cương, 01 (một) camera và 01 con heo đất bên trong có 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng). Tổng số tiền bị cáo B. và bị cáo Đ. chiếm đoạt của bị hại H. là 75.600.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, tại phiên tòa, bị cáo B. và bị cáo TH. khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo B. và bị cáo TH. phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Ngày 23/11/2022 trên địa bàn thị xã HT, bị cáo B. điều khiển xe môtô chở bị cáo TH. giật dây chuyền trị giá 28.195.300 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm đồng) của bị hại D. khi đang điều khiển xe môtô đi cùng chiều phía trước.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện. Các bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Do đó cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[5] Khi quyết định hình phạt có xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo B., bị cáo TH. và bị cáo Đ. thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo B. thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự. Bị cáo TH. thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, đây là tình tiết định khung nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo B. và bị cáo TH.. Riêng bị cáo Đ. thuộc trường hợp tái phạm quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự nên bị cáo Đ. phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

*** Các vật chứng sau không có giá trị, không còn sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy**:

- 01 (một) áo khoác vải màu xám có viền cổ tay và vạt áo màu đen, trên ngực áo bên trái có logo tròn bên trong có ký hiệu I, trên tay áo trái có in chữ SOCIAL.

Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng, lưỡi trai màu đen, phía sau có chữ TIỆM VÀNG PHƯƠNG THẢO 0276.3822698 KHÁCH HÀNG VÍP màu đỏ. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) áo sơ mi vải dài tay, màu xanh sọc trắng nhuyễn, trên ngực áo trái có thêu logo chữ MK màu trắng, phía trong cổ áo thêu logo chữ A/X; Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) áo khoác vải màu đen, loại có nón trùm đầu, không có nhãn hiệu. Tính trang. Đã qua sử dụng;

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu đỏ - đen, trên mũ có chữ Cà phê Phố. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) mỏ lếch B. kim loại, màu bạc dài 15cm, có chữ C- MART 160 mm F0001, loại 06 inch. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) dụng cụ mở Bugi xe mô tô B. kim loại, màu đen, dài 10 cm, có lỗ, một đầu có chữ P và một đầu có số 19. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

*** Vật chứng sau đây là phương tiện bị cáo phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:** 01 (một) xe mô tô gắn biển số 70E1-628.67, nhãn hiệu Honda, loại xe Vario, màu đỏ-đen, số máy: JM41E1779243; số khung: MH1JM4116MK779898. Tình trạng: Đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu;

*** Hoàn trả cho các bị cáo HCB, LHTvà NHĐ.**

- **Trả cho bị cáo B.**: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu Bạc, số Imei1: 35312008321690/2; số Imei2: 35312108321690/0, gắn sim có số Seri: 8401200252874759. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể màn hình, không có nắp lưng. thời điểm giao nhận không mở được nguồn (của bị cáo B.); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu Vàng đồng, số Imei: 865407010000009, bên trong gắn sim có số Seri: 8401191150287937 Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể màn hình, thời điểm giao nhận không mở được nguồn; Tiền Việt Nam: 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng);

- **Trả cho bị cáo Đ.**: 01 (một) điện thoại di động nhân hiệu Realme, màu xanh, số imei 1: 860343044117193, số imei 2: 860343044117185. Tình trạng: Đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam: 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng);

- **Trả cho bị cáo TH.**: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu xanh-đen, số Imei 1: 350711263235978/01, số Imei2: 356613223235979/01. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

Các tài sản trả lại cho các bị cáo nên trên được giữ lại đảm bảo thi hành án.

*** Trả lại cho bị hại D.**: 01 (một) mặt dây chuyền B. đá hình Phật màu xanh, qua kiểm tra không phải là đá quý, kích thước (35×10x05) mm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

*** Trả lại cho ông HCK**: 01 (một) xe mô tô biển số 70K1-315.59, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng số máy: 1FC4-036060, số khung: RLCS1FC40FY036054. Tình trạng: Đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu bên phải.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo B. và bị cáo Đ. có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bị hại H. số tiền 75.600.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng). Buộc bị cáo B. và bị cáo TH. có nghĩa vụ liên đối hoàn trả cho bị hại D. số tiền 28.195.300 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm đồng).

[8] Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là C. ty M.: Bị cáo TH. có quan hệ tín dụng với C. ty M. theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay mua hàng trả góp điện tử số 1000321110405271 ký ngày 18/11/2021, hiện còn dư nợ tạm tính đến ngày 09/8/2023 là 34.000.000 đồng (dư nợ gốc là 27.007.133 đồng). C. ty M. yêu cầu cơ quan thi hành án bán xe mô tô nêu trên và hoàn trả lại số tiền từ việc bán xe cho C. ty M. để thu hồi nợ hoặc hoàn trả chiếc xe máy để C. ty M. xử lý hàng hóa, thu hồi nợ vay. Hội đồng xét xử thấy rằng, do xe mô tô là phương tiện bị cáo TH. dùng vào việc phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Ngoài ra, trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã ấn định thời hạn để C. ty M. nộp đơn yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự, tuy nhiên, đến nay C. ty M. vẫn chưa có đơn yêu cầu. Do đó, đối với lời trình bày nêu trên của C. ty Mcerdit cần tách ra giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **HCB**phạm tội "**Cướp giật tài sản**" và tội "**Trộm cắp tài sản**".

Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo HCB04 (Bốn) năm tù về tội "**Cướp giật tài sản**" và 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "**Trộm cắp tài sản**". Tổng hợp hình phạt hai tội là 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp

hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 02 tháng 12 năm 2022.

2. Tuyên bố bị cáo **LHT**phạm tội "**Cướp giật tài sản**".

Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo LHT03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 02 tháng 12 năm 2022.

3. Tuyên bố bị cáo **NHĐ** phạm tội "**Trộm cắp tài sản**".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 2 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo NHĐ 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 02 tháng 12 năm 2022.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Tịch thu tiêu hủy**:

- 01 (một) áo khoác vải màu xám có viền cổ tay và vạt áo màu đen, trên ngực áo bên trái có logo tròn bên trong có ký hiệu I, trên tay áo trái có in chữ SOCIAL. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng, lưỡi trai màu đen, phía sau có chữ TIỆM VÀNG PHƯƠNG THẢO 0276.3822698 KHÁCH HÀNG VÍP màu đỏ. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) áo sơ mi vải dài tay, màu xanh sọc trắng nhuyễn, trên ngực áo trái có thêu logo chữ MK màu trắng, phía trong cổ áo thêu logo chữ A/X; Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) áo khoác vải màu đen, loại có nón trùm đầu, không có nhãn hiệu. Tính trang. Đã qua sử dụng;

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu đỏ - đen, trên mũ có chữ Cà phê Phố. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) mỏ lếch B. kim loại, màu bạc dài 15cm, có chữ C- MART 160 mm F0001, loại 06 inch. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

- 01 (một) dụng cụ mở Bugi xe mô tô B. kim loại, màu đen, dài 10 cm, có lỗ, một đầu có chữ P và một đầu có số 19. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô gắn biển số 70E1-628.67, nhãn hiệu Honda, loại xe Vario, màu đỏ-đen, số máy: JM41E1779243; số khung: MH1JM4116MK779898. Tình trạng: Đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu;

*** Hoàn trả cho các bị cáo HCB, LHTvà NHĐ nhưng tiếp tục tạm giữ để**

bảo đảm thi hành án.

- **Trả cho bị cáo B.**: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu Bạc, số Imei1: 35312008321690/2; số Imei2: 35312108321690/0, gắn sim có số Seri: 8401200252874759. Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể màn hình, không có nắp lưng. thời điểm giao nhận không mở được nguồn; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu Vàng đồng, số Imei: 865407010000009, bên trong gắn sim có số Seri: 8401191150287937 Tình trạng: Đã qua sử dụng, bị bể màn hình, thời điểm giao nhận không mở được nguồn; Tiền Việt Nam: 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng);

- **Trả cho bị cáo Đ.**: 01 (một) điện thoại di động nhân hiệu Realme, màu xanh, số imei 1: 860343044117193, số imei 2: 860343044117185. Tình trạng: Đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam: 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng);

- **Trả cho bị cáo TH.**: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu xanh-đen, số Imei 1: 350711263235978/01, số Imei2: 356613223235979/01. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

Trả lại cho bị hại D.: 01 (một) mặt dây chuyền B. đá hình Phật màu xanh, qua kiểm tra không phải là đá quý, kích thước (35×10x05) mm. Tình trạng: Đã qua sử dụng;

Trả lại cho ông HCK: 01 (một) xe mô tô biển số 70K1-315.59, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng số máy: 1FC4-036060, số khung: RLCS1FC40FY036054. Tình trạng: Đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu bên phải.

Hiện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HTđang tạm giữ các vật chứng nêu trên theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/6/2023.

5. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 288, 579, 580 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo HCBvà bị cáo NHĐ có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bị hại PTKH số tiền 75.600.000 đồng. Như vậy, bị cáo B., bị cáo Đ., mỗi bị cáo có nghĩa vụ trả cho bị hại H. số tiền 37.800.000 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo HCBvà bị cáo LHTcó trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bị hại ĐTD số tiền 28.195.300 đồng. Như vậy, bị cáo B., bị cáo TH., mỗi bị cáo có nghĩa vụ trả cho bị hại D. số tiền 14.097.650 đồng (Mười bốn triệu không trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi

thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với yêu cầu của C. ty Mcerdit tách ra giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

7. Về án phí: Bị cáo B., bị cáo Đ., bị cáo TH., mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo B. phải chịu 2.595.000 đồng (Hai triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Đ. phải chịu 1.890.000 đồng (Một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo TH. phải chịu 705.000 đồng (Bảy trăm lẻ năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- TAND tỉnh TN.
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp TN;
- VKSND tx. HT.
- CCTHADS tx. HT.
- THA phạt tù.
- Bị cáo.
- Bị hại.

Nguyễn Thị Bích Vân

- NCQLNVLQ;
- Luru.